

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5**

Địa chỉ: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Địa chỉ: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần LILAMA 5 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 05/BXD - TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 667/QĐ - BXD của Bộ xây dựng ngày 17/4/2006 về việc chuyển Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800233448 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần 8 ngày 05 tháng 03 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất, lắp ráp thiết bị máy móc công trình;
- Gia công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại;
- Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện, kim loại cho xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải; tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng; kinh doanh bất động sản và nhà ở.

Trụ sở chính của Công ty tại 179 Trần Phú - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.497.910.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.149.791 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	2.626.500	26.265.000.000	51 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.523.291	25.232.910.000	49 %
	<b>5.149.791</b>	<b>51.497.910.000</b>	<b>100 %</b>

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Địa chỉ: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lưu Huy Phúc	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Xuân Thông	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 28/04/2020
Ông Phạm Văn Hoàn	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 28/04/2020
Ông Cù Minh Kim	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Bùi Thanh Phong	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 28/04/2020
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 28/04/2020

#### Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Xuân Thông	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2020
Ông Phạm Văn Hoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/02/2020
Ông Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2020
Ông Đinh Thành Lê	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Hạ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29/07/2020
Bà Hoàng Thị Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29/07/2020

#### Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Hoàng Thị Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28/04/2020
Bà Phạm Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/04/2020
Ông Lưu Sỹ Học	Thành viên	
Bà Đào Thị Loan	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)- đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Địa chỉ: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 5 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

Lư Huy Phúc

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**TM BAN GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Thông



Số: 249/BCKT/TC

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Số 3, Biệt thự 2, KĐT Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Tell: (+84 24) 3 7670720 \* (+84 24) 3 7670721

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 5**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 5, được lập ngày 12/03/2021, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 5 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thông tin được trình bày tại thuyết minh số IV.1 thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020. Tại ngày 31/12/2020, vốn chủ sở hữu của Công ty trên Báo cáo tài chính là (15.490.583.098) đồng, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng với sự hỗ trợ của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP (Công ty mẹ) Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại thuyết minh số IV.1.



*Đỗ Thị Ngọc*

**BÙI QUANG HỢP**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**ĐỖ THỊ NGỌC**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHNKT số 3409-2020-126-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>329.297.772.275</b>	<b>370.461.928.187</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>263.619.630</b>	<b>5.150.784.375</b>
1. Tiền	111		263.619.630	5.150.784.375
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>124.918.156.146</b>	<b>121.820.661.270</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	119.937.923.563	112.009.051.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.785.928.440	2.405.965.355
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.569.338.564	11.780.678.632
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(4.375.034.421)	(4.375.034.421)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>204.106.418.375</b>	<b>243.480.904.418</b>
1. Hàng tồn kho	141		204.106.418.375	243.480.904.418
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.578.124</b>	<b>9.578.124</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	9.578.124	9.578.124
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.045.565.011</b>	<b>71.248.844.391</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.513.077.966</b>	<b>68.329.368.896</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	62.513.077.966	68.329.368.896
- Nguyên giá	222		172.327.149.498	172.327.149.498
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(109.814.071.532)	(103.997.780.602)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.167.547.045	1.167.547.045
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>320.000.000</b>	<b>320.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		320.000.000	320.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>44.940.000</b>	<b>1.431.928.450</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	44.940.000	1.431.928.450
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>393.343.337.286</b>	<b>441.710.772.578</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>408.833.920.384</b>	<b>400.543.883.809</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>408.833.920.384</b>	<b>400.543.883.809</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	78.882.184.182	79.212.315.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	546.766.837	7.864.452.578
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	6.232.730.897	8.162.566.272
4. Phải trả người lao động	314		7.750.170.609	18.683.204.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	19.188.015.641	755.799.261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	68.881.661.284	56.881.161.344
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	227.203.579.062	228.835.572.082
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		148.811.872	148.811.872
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(15.490.583.098)</b>	<b>41.166.888.769</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>(15.490.583.098)</b>	<b>41.166.888.769</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.497.910.000	51.497.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.497.910.000	51.497.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.031.500.000	15.031.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		442.200.890	442.200.890
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.902.718.440	7.902.718.440
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.862.959	35.862.959
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(90.400.775.387)	(33.743.303.520)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.743.303.520)	(5.184.565.939)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(56.657.471.867)	(28.558.737.581)
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>393.343.337.286</b>	<b>441.710.772.578</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Đặng Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Thông



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	96.414.653.709	166.229.263.188
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.414.653.709	166.229.263.188
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.441.047.584	158.865.985.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(23.026.393.875)	7.363.277.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.483.005	6.208.001
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.444.156.081	23.772.710.540
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.444.156.081	23.772.710.540
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.975.044.508	10.625.340.138
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(55.440.111.459)	(27.028.565.271)
11. Thu nhập khác	31		8.700.300	5.300.000
12. Chi phí khác	32		1.226.060.708	1.535.472.310
13. Lợi nhuận khác	40		(1.217.360.408)	(1.530.172.310)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(56.657.471.867)	(28.558.737.581)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(56.657.471.867)	(28.558.737.581)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(11.002)	(5.546)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(11.002)	(5.546)

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Đặng Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Thông

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Đơn vị tính: đồng
			Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(56.657.471.867)	(28.558.737.581)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.816.290.930	6.184.492.815
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.483.005)	(6.208.001)
- Chi phí lãi vay	06	24.444.156.081	23.772.710.540
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(26.402.507.861)	1.392.257.773
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.097.494.876)	68.318.442.222
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	39.374.486.043	(44.510.867.454)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(14.514.602.566)	(13.769.512.949)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.386.988.450	5.202.581.195
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.523.920)	(11.713.821.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(226.327.325)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.260.654.730)</b>	<b>4.692.752.013</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(232.000.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(300.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.483.005	6.208.001
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.483.005</b>	<b>(525.791.999)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	50.394.066.902
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.631.993.020)	(63.421.171.488)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(21.700.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.631.993.020)</b>	<b>(13.048.804.586)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.887.164.745)</b>	<b>(8.881.844.572)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.150.784.375	14.032.628.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>263.619.630</b>	<b>5.150.784.375</b>

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Đặng Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Thông



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 5 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 05/BXD - TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 667/QĐ - BXD của Bộ xây dựng ngày 17/4/2006 về việc chuyển Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800233448 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần 8 ngày 05 tháng 03 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 179 Trần Phú - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

Số lượng cán bộ công nhân viên năm 2020 của Công ty là 271 người

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tại ngày 31/12/2020, vốn chủ sở hữu của Công ty trên Báo cáo tài chính là (15.490.583.098) đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng với sự hỗ trợ thanh toán, tạo việc làm của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (Công ty mẹ) theo công văn số 06/LILAMA 5 ngày 22/01/2021 thì việc thực hiện các hợp đồng đã và sẽ ký kết trong các năm tiếp theo sẽ tạo dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thanh toán các khoản công nợ. Do đó, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào lập báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất dự kiến cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

*Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính*

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.



Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.



Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

### **9. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

**18. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng		
		31/12/2020	01/01/2020	
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
- Tiền mặt		180.696.139	1.502.110.059	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		82.923.491	3.648.674.316	
<b>Cộng</b>		<b>263.619.630</b>	<b>5.150.784.375</b>	
<b>2. Phải thu khách hàng</b>		31/12/2020	01/01/2020	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn		-	4.077.187.700	
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên		10.495.568.934	10.495.568.934	
- Các khách hàng khác		44.531.313.859	33.497.187.091	
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1		10.150.898.202	10.150.898.202	
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội		801.818.518	801.818.518	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP		50.390.717.446	45.036.339.525	
- Công ty Cổ phần Lilama 10		3.567.606.604	7.950.051.734	
<b>Cộng</b>		<b>119.937.923.563</b>	<b>112.009.051.704</b>	
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		31/12/2020	01/01/2020	
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.785.928.440	2.405.965.355	
- Công ty Cổ phần xây lắp điện Thủ Đô		447.027.043	347.027.043	
- Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Cát Minh		-	619.935.078	
- Công ty TNHH Yên Thế		451.500.000	451.500.000	
- Công ty Cổ phần Xây lắp Hải Yến		211.426.000	211.426.000	
- Công ty TNHH Thương mại và Cơ khí Sơn Hà		175.098.163	-	
- Các khách hàng khác		500.877.234	776.077.234	
b) Trả trước cho người bán dài hạn		-	-	
<b>Cộng</b>		<b>1.785.928.440</b>	<b>2.405.965.355</b>	
<b>4. Phải thu khác</b>		31/12/2020	01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.569.338.564	-	11.780.678.632	-
- Phải thu khác	698.983.435	-	3.389.668.735	-
- Tạm ứng	6.867.891.803	-	8.388.452.476	-
- Cầm cố, ký quỹ ký cược	2.463.326	-	2.557.421	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.569.338.564</b>	<b>-</b>	<b>11.780.678.632</b>	<b>-</b>
<b>5. Nợ xấu</b>		31/12/2020	01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
+ Phải thu khách hàng	4.593.435.606	218.401.185	4.593.435.606	218.401.185
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.593.435.606</b>	<b>218.401.185</b>	<b>4.593.435.606</b>	<b>218.401.185</b>

6. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	619.720.393	-	2.688.705.138	-
- Công cụ, dụng cụ	79.207.001	-	73.047.001	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	203.100.659.731	-	240.412.321.029	-
- Thành phẩm	306.831.250	-	306.831.250	-
<b>Cộng</b>	<b>204.106.418.375</b>	<b>-</b>	<b>243.480.904.418</b>	<b>-</b>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu kỳ	13.064.140.772	150.967.169.828	7.975.593.444	320.245.454	172.327.149.498
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.064.140.772	150.967.169.828	7.975.593.444	320.245.454	172.327.149.498
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	8.671.431.158	87.759.818.719	7.360.250.671	206.280.054	103.997.780.602
Số tăng trong kỳ	590.092.000	4.899.971.493	304.211.837	22.015.600	5.816.290.930
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	590.092.000	4.899.971.493	304.211.837	22.015.600	5.816.290.930
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.261.523.158	92.659.790.212	7.664.462.508	228.295.654	109.814.071.532
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	4.392.709.614	63.207.351.109	615.342.773	113.965.400	68.329.368.896
Tại ngày cuối kỳ	3.802.617.614	58.307.379.616	311.130.936	91.949.800	62.513.077.966

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.228.303.971 đồng  
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.370.717.526 đồng

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>
+ Xây dựng cơ bản	1.167.547.045	1.167.547.045	1.167.547.045	1.167.547.045
- <i>Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn</i>	1.167.547.045	1.167.547.045	1.167.547.045	1.167.547.045
<b>Cộng</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>	<b>1.167.547.045</b>

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	44.940.000	1.431.928.450
<b>Cộng</b>	<b>44.940.000</b>	<b>1.431.928.450</b>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>78.882.184.182</b>	<b>78.882.184.182</b>	<b>79.212.315.560</b>	<b>79.212.315.560</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Lê Bình	11.872.933.436	11.872.933.436	11.872.933.436	11.872.933.436
- Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	8.143.116.642	8.143.116.642	8.143.116.642	8.143.116.642
- Các đối tượng khác	58.866.134.104	58.866.134.104	59.196.265.482	59.196.265.482
<b>Cộng</b>	<b>78.882.184.182</b>	<b>78.882.184.182</b>	<b>79.212.315.560</b>	<b>79.212.315.560</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Lilama 69.2	2.750.054.224	2.750.054.224	2.750.054.224	2.750.054.224
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	830.472.447	830.472.447	830.472.447	830.472.447
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	141.800.000	141.800.000	141.800.000	141.800.000
- CTCP Cơ khí Lắp máy Lilama	3.062.429.345	3.062.429.345	3.062.429.345	3.062.429.345



11. Người mua trả tiền trước		31/12/2020	01/01/2020
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		546.766.837	7.864.452.578
- Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn		-	4.077.187.700
- Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đà Loan		-	3.240.498.041
- Các đối tượng khác		546.766.837	546.766.837
b) Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
<b>Cộng</b>		<b>546.766.837</b>	<b>7.864.452.578</b>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2020
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.549.016.789	7.789.621.677	10.106.400.248	4.232.238.218
- Thuế thu nhập cá nhân	591.728.164	202.775.468	81.728.164	712.775.468
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	187.143.540	260.591.026		447.734.566
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	834.677.779	5.304.866		839.982.645
<b>Cộng</b>	<b>8.162.566.272</b>	<b>8.258.293.037</b>	<b>10.188.128.412</b>	<b>6.232.730.897</b>
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.578.124	-		9.578.124
<b>Cộng</b>	<b>9.578.124</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.578.124</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn		31/12/2020	01/01/2020
- Trích trước chi phí lãi vay		18.163.716.380	-
- Trích trước chi phí khác		1.024.299.261	755.799.261
<b>Cộng</b>		<b>19.188.015.641</b>	<b>755.799.261</b>

14. Phải trả khác ngắn hạn khác		31/12/2020	01/01/2020
- Kinh phí công đoàn		1.540.809.143	1.160.624.791
- Các khoản bảo hiểm phải nộp		12.806.920.580	8.789.939.792
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		54.533.931.561	46.930.596.761
+ Cổ tức phải trả		145.497.600	145.497.600
+ Dư có tạm ứng, phải trả khác		30.751.408.614	30.776.094.050
+ Lãi vay phải trả ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn		16.321.051.999	10.048.136.218
+ Lãi vay phải trả ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Bim Sơn		5.740.307.540	5.740.307.540
+ Phải trả, phải nộp khác		1.575.665.808	220.561.353
<b>Cộng</b>		<b>68.881.661.284</b>	<b>56.881.161.344</b>

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		31/12/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>+ Vay ngắn hạn</b>	<b>227.203.579.062</b>	<b>227.203.579.062</b>	<b>-</b>	<b>1.631.993.020</b>	<b>228.835.572.082</b>	<b>228.835.572.082</b>	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn <sup>(1)</sup>	43.828.526.914	43.828.526.914	-	-	43.828.526.914	43.828.526.914	
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn <sup>(2)</sup>	183.375.052.148	183.375.052.148	-	1.631.993.020	185.007.045.168	185.007.045.168	

(1) **Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn theo các hợp đồng sau:**

- HĐ cho vay từng lần số 18910307/2018-HĐCVTL/NHCT422-LILAMA 5 ngày 6/7/2018 hạn mức vay 8.200.000.000 đồng, thời hạn cho vay không quá 9 tháng. Mục đích cho vay thanh toán các chi phí hợp lý thực hiện HĐKT số 01/XL3-LL5 ngày 12/12/2017 - thi công xây dựng nhà máy nghiền xi măng, nhà nén khí .. dự án xi măng Bim Sơn. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2020 là 5.558.523.200 đồng. Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng.

- HĐTD số 50201/2017-HĐTD/NHCT422-LONGPHU1 ngày 28/2/2017 hạn mức 40.000.000.000 đồng, thời hạn 09 tháng. Mục đích vay thanh toán chi phí dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp. Tổng dư nợ gốc vay quá hạn tại 30/06/2020 là 8.253.852.129 đồng. Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng.

- HĐ cho vay từng lần số 17881509/2017-HĐCVTL/NHCT422-PHUTHO ngày 18/9/2017 hạn mức 40.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay tối đa không quá 9 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/6/2018. Mục đích sử dụng thanh toán chi phí hợp lý thực hiện gói thầu xây lắp trạm biến áp 220kv Phú Thọ. Tổng nợ gốc vay quá hạn 30/06/2020 là 30.016.151.585 đồng. Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng.

(2) Vay ngắn hạn theo HĐ tín dụng hạn mức số 01/2018/295277/HĐTD ngày 28/12/2018 với hạn mức tối đa là 197.224.000.000 đồng kèm điều kiện thực hiện cho vay giảm dần dư nợ trên nguyên tắc doanh số cho vay trong kỳ không vượt quá 90% doanh số thu nợ trong kỳ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ký hợp đồng này, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, ký quỹ. Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng.

16. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	51.497.910.000	15.031.500.000	442.200.890	2.754.015.460	69.725.626.350
Tăng vốn năm trước	-	-	-	(28.558.737.581)	(28.558.737.581)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(28.558.737.581)	(28.558.737.581)
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	51.497.910.000	15.031.500.000	442.200.890	(25.804.722.121)	41.166.888.769
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(56.657.471.867)	(56.657.471.867)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(56.657.471.867)	(56.657.471.867)
Số dư cuối kỳ	51.497.910.000	15.031.500.000	442.200.890	(82.462.193.988)	(15.490.583.098)

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
- Vốn góp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam -CTCP(*)	26.265.000.000	26.265.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	25.232.910.000	25.232.910.000
<b>Cộng</b>	<b>51.497.910.000</b>	<b>51.497.910.000</b>

(\*) Ngày 11/06/2018 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã có nghị quyết số 241/NQ-HĐQT về chủ trương thoái vốn của Tổng Công ty tại các công ty con. Theo nghị quyết trên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP sẽ giảm tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty từ 51% xuống còn 36%. Đến nay quá trình thoái vốn vẫn đang được thực hiện.

c) **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	51.497.910.000	51.497.910.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	51.497.910.000	51.497.910.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-



d) Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.149.791	5.149.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.149.791	5.149.791
- Cổ phiếu phổ thông	5.149.791	5.149.791
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.149.791	5.149.791
- Cổ phiếu phổ thông	5.149.791	5.149.791
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2020	Năm 2019
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng và hoạt động khác	96.414.653.709	166.229.263.188
<b>Cộng</b>	<b>96.414.653.709</b>	<b>166.229.263.188</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	54.345.287.380	33.761.369.819
- Công ty Cổ phần Lilama 10	(3.137.129.464)	16.424.661.602
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng và hoạt động khác	119.441.047.584	158.865.985.782
<b>Cộng</b>	<b>119.441.047.584</b>	<b>158.865.985.782</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.483.005	6.208.001
<b>Cộng</b>	<b>5.483.005</b>	<b>6.208.001</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	24.444.156.081	23.772.710.540
<b>Cộng</b>	<b>24.444.156.081</b>	<b>23.772.710.540</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.853.367.605	5.578.638.146
- Chi phí khấu hao TSCĐ	379.007.018	446.046.100
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí quản lý khác	2.739.669.885	4.597.655.892
<b>Cộng</b>	<b>7.975.044.508</b>	<b>10.625.340.138</b>
<b>6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.520.637.007	85.536.222.155
- Chi phí nhân công	35.800.666.712	54.666.859.555
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.816.290.930	6.184.492.815
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.392.218.549	54.482.436.227
- Chi phí khác bằng tiền	17.574.617.596	11.796.088.301
<b>Cộng</b>	<b>90.104.430.794</b>	<b>212.666.099.053</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(56.657.471.867)	(28.558.737.581)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính/thực tế	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(56.657.471.867)	(28.558.737.581)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.149.791	5.149.791
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(11.002)	(5.546)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(11.002)	(5.546)

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
			Doanh thu hoạt động xây lắp	54.345.287.380
1.	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Thu tiền bán hàng, gán trừ công nợ	51.301.374.117

**Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng****Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
1	Lưu Huy Phúc	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Nguyễn Xuân Thông	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 28/04/2020 đến ngày 31/12/2020)	12.150.000	-
3	Phạm Đình San	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/04/2019)	-	12.458.333
4	Phạm Văn Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 29/02/2020)	5.850.000	26.541.667
5	Cù Minh Kim	Thành viên HĐQT	18.000.000	39.000.000
6	Bùi Thanh Phong	Thành viên HĐQT	18.000.000	39.000.000
7	Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/04/2020)	5.850.000	39.000.000
8	Hoàng Thị Phương	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (từ ngày 28/04/2020 đến ngày 31/12/2020)	12.150.000	-
9	Hoàng Thị Phương	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/04/2020)	-	-
10	Phạm Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 28/04/2020 đến ngày 31/12/2020)	-	-
11	Lưu Sỹ Học	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	31.200.000
12	Đào Thị Loan	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	31.200.000
<b>Cộng</b>			<b>96.000.000</b>	<b>218.400.000</b>



**Tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
1	Lưu Huy Phúc	Chủ tịch HĐQT	207.786.191	240.134.450
2	Nguyễn Xuân Thông	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 28/04/2020 đến ngày 31/12/2020)	150.008.200	-
3	Phạm Đình San	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/04/2019)	-	67.198.892
4	Cù Minh Kim	Thành viên HĐQT	108.085.200	132.132.000
5	Bùi Thanh Phong	Thành viên HĐQT	126.429.500	133.250.700
6	Phạm Văn Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 09/04/2019 đến ngày 01/03/2020)	33.643.800	156.595.498
7	Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	130.796.100	54.939.500
8	Đình Thành Lê	Phó Tổng Giám đốc	151.197.500	178.397.100
9	Nguyễn Hồng Hạ	Phó Tổng Giám đốc	151.197.500	233.960.800
10	Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/04/2020)	96.340.200	190.171.000
11	Hoàng Thị Phương	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/04/2020)	45.478.282	147.630.000
12	Hoàng Thị Phương	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (từ ngày 28/04/2020 đến ngày 31/12/2020)	94.280.400	-
13	Phạm Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 28/04/2020 đến ngày 31/12/2020)	90.331.109	-
14	Lưu Sỹ Học	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
15	Đào Thị Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	93.000.800	101.481.500
<b>Cộng</b>			<b>1.478.574.782</b>	<b>1.635.891.440</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**4. Thông tin so sánh**

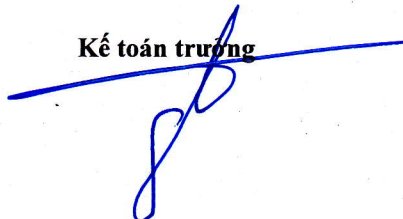
Số dư đầu kỳ và số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu



**Đặng Thị Phương Thảo**

Kế toán trưởng



**Hoàng Thị Phương**

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5**  
 Nguyễn Xuân Thông

